

Số: 34/2024/QĐST-DS

Thành phố H, ngày 31 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy người khởi kiện bà Phạm Thị Ngọc S có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Trần Thị T, bà Lê Thị T1 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N1 (A1) và ông Lâm Văn T2 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập là tự nguyện phù hợp pháp luật được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 226/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất và hợp đồng thế chấp”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc S, sinh năm 1960;

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Phan Mỹ L là luật sư của Công ty TNHH một thành viên T5 thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số A L, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: 1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1939.

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị T: Ông Lê Phi T3 – Luật sư là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ.

Địa chỉ: Văn phòng L3, khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1956.

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lâm Văn T2, sinh năm 1977;

2. Bà **Trương Thị K**, sinh năm 1980 (Vợ ông **T2**);
3. Cháu **Lâm Văn D**, sinh năm 2013 (Con ông **T2**);
4. Chị **Đỗ Thị Thúy A**, sinh năm 1988 (Con bà **Lê Thị T1**);
5. Anh **Đỗ Hàng C**, sinh năm 1993 (Con bà **Lê Thị T1**);
6. Cháu **Lê Nhật K1**, sinh ngày 01/8/2004 (Cháu ngoại bà **T1**);
7. Ông **Lâm Văn H**, sinh năm 1968 (Con bà **Trần Thị T**);
8. Ông **Phạm Công V**, sinh năm 1935;
9. Ông **Phạm Văn L1**, sinh năm 1956;
10. Anh **Trương Văn N**, sinh năm 2000;
11. Anh **Phạm Nhật K2**, sinh năm 1980;
12. Bà **Cao Thị L2**, sinh năm 1959;
13. Ông **Trương Thanh H1**, sinh năm 1958 (Chồng bà **L2**);

Bà **Trần Thị T**, ông **Lâm Văn T2** và bà **Trương Thị K** cùng ủy quyền cho ông **Lâm Văn T4**, sinh năm 1965 theo giấy ủy quyền ngày 29/12/2021.

Cùng địa chỉ: **khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp**.

14. Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1947;

Địa chỉ: **số A L, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Phạm Phước V1** (đã chết).

15. Bà **Võ Thị K3**, sinh năm 1954;

Địa chỉ: **khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp**.

16. Chị **Phạm Vĩnh Khoa P1**, sinh năm 1977 (con bà **K3**);

Địa chỉ: **số B Khu B, phường G, quận H, thành phố Hồ Chí Minh**.

Chỗ ở hiện nay: phòng số 202, **chung cư S đường C (đường L), phường E, quận H, thành phố Hồ Chí Minh**.

17. Ủy ban nhân dân thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Tấn Đ**, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H2**, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

Địa chỉ: **khóm A, phường A, thành phố H, Đồng Tháp**.

18. Ngân hàng N1 (**A1**).

Địa chỉ trụ sở chính: **Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V2** – Tổng giám đốc Ngân hàng N1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Văn P2** – Giám đốc **Ngân hàng N1 - Chi nhánh thị xã H.**

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Phạm Thế D1** – Phó Giám đốc **Ngân hàng N1 - Chi nhánh thị xã H.**

Cùng địa chỉ: **Số C, đường N, khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.**

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Bà **Phạm Thị Ngọc S**, bà **Trần Thị T**, bà **Lê Thị T1**, ông **Lâm Văn T2** và **Ngân hàng N1 (A1)** được quyền nộp đơn khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

- Về án phí:

Bà **Phạm Thị Ngọc S**, bà **Trần Thị T** và bà **Lê Thị T1** thuộc trường hợp người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông **Lâm Văn T2** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006856 ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố oơ Hồng Ngự.

- **Ngân hàng N1 (A1)** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001014 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố oơ Hồng Ngự.

– Về chi phí tố tụng (thẩm định tại chỗ và định giá tài sản):

+ Bà **Phạm Thị Ngọc S** phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản với số tiền là 13.300.000đ (Mười ba triệu ba trăm nghìn đồng đã làm tròn) khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 7.396.000đồng bà **S** đã nộp và số tiền bà **S** tự nguyện chi chi phí tố tụng 5.932.500đồng, tất cả đã chi xong.

+ **Ngân hàng N1 (A1)** phải chịu chi phí xem xét thẩm định với số tiền là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 400.000đồng đã nộp xong.

– Trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu có yêu cầu.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phương Thảo

